

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THUY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10/8/2018

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THUY, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Việt

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Minh

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Diệu Linh –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 10/8/2018, tại Hội trường, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2018/TLS-HNGĐ ngày 03/4/2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Đại Đ, sinh năm 1966.

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1966.

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 03/4/2018, được bổ sung tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà, nguyên đơn anh Hoàng Đại Đ trình bày:

- Về tình cảm: Anh và chị Nguyễn Thị T tìm hiểu và quyết định kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01/1988 ngày 07/9/1988 của UBND thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh đi làm xa chị T ở nhà đánh bài bạc, anh khuyên can nhiều lần nhưng chị T vẫn không nghe, vợ chồng không hợp tính tình nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và không ai nhường nhịn ai; năm 2004 anh Đ làm đơn xin ly hôn nhưng do thương con và liên

quan đến nhà cửa, đất đai nên đã rút đơn ly hôn; anh tiếp tục đi làm ăn xa nhiều năm không về nhà, những năm gần đây mỗi khi có việc hiếu, hỷ anh về quê đều ở nhà nội, các con anh đề nghị anh đến ở chung với con cho có tình cảm nên anh đến ở chung với các con, vợ chồng cắt đứt quan hệ, sống ly thân từ năm 2004 cho đến nay mà không ai quan tâm đến ai. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Tại Bản tự khai, Biên bản hoà giải và tại phiên toà, bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Quá trình kết hôn giống như anh Đ trình bày, quá trình chung sống vợ chồng vẫn sống hạnh phúc, mỗi khi anh về quê vợ chồng vẫn sống chung, ăn chung với nhau; chị T thừa nhận có chơi bài với chị em buôn bán ở chợ giải trí buổi trưa khi không có khách mua hàng; mặc dù anh Đ chung sống với người khác đã có con nhưng chị T vẫn còn tình cảm với anh Đ, chị T không đồng ý ly hôn với anh Đ để con có cha mẹ, cháu có ông bà.

- Về con chung: Anh Đ, chị T cùng khai có 03 con chung, hai con đầu đã trưởng thành muốn sinh sống với ai thì tùy thuộc vào sự lựa chọn của các con, con út Hoàng Thị H, sinh ngày 09/3/2001 hiện nay đang sống cùng chị T. Khi ly hôn, anh Đ có nguyện vọng giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, thời gian kể từ tháng 8/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi; nếu ly hôn chị T cũng có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con Hoàng Thị H và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 6 năm 2018, cháu Hoàng Thị H trình bày: Cháu không muốn ba mẹ ly hôn nhưng nếu ly hôn cháu xin ở với mẹ để mẹ chăm lo cháu học hành vì ba đi làm ăn xa.

- Về tài sản chung: Anh Đ và chị T cùng khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Đ, chị T cùng khai không nợ ai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Đại Đ và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, lẽ ra anh, chị phải biết thương yêu, quý trọng chăm sóc lẫn nhau nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc. Nhưng anh, chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững mà lại để xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân hai bên không hợp nhau về tính cách, thiếu thông cảm chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống, vợ chồng đã có thời gian sống hạnh phúc nhưng cả anh và chị đều không biết cách bảo vệ hạnh phúc lâu dài, anh Đ thường

xuyên đi làm ăn xa, khi có việc gia đình mới về nhà nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Chị T thiếu sự quan tâm, chia sẻ, động viên, níu kéo tình cảm với anh Đ; Toà án đã hoà giải, động viên anh Đ trở lại đoàn tụ vợ chồng để xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái nhưng anh Đ xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị T. Bên cạnh đó, mặc dù đã được Toà án động viên, tạo điều kiện về thời gian nhưng chị T chưa thực sự chủ động gặp gỡ, níu kéo, động viên anh Đ trở lại đoàn tụ vợ chồng; anh, chị sống ly thân đã lâu mà không ai quan tâm đến ai, anh trình bày chị cờ bạc anh khuyên can nhiều lần vẫn không thay đổi, chị trình bày anh sống chung với người khác và đã có con riêng chứng tỏ tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần thiết cho anh Đ được ly hôn chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: Sau ly hôn, anh Đ có nguyện vọng giao con Hoàng Thị H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, thời gian kể từ tháng 8/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi; chị T cũng có nguyện vọng trực tiếp nuôi con Hoàng Thị H, cháu H cũng có nguyện vọng được ở với mẹ; mặc dù chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị không chứng minh được thu nhập của mình đủ khả năng, điều kiện nuôi con, nếu anh Đ không tự nguyện cấp dưỡng thì Hội đồng xét xử cũng ấn định mức cấp dưỡng nuôi con để đảm bảo quyền lợi cho con dưới 18 tuổi. Vì vậy giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị H và chấp nhận nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con của anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh, chị khai không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Hoàng Đại Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Hoàng Thị H, sinh ngày 09/3/2001 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Đ cấp dưỡng nuôi con cùng chị T

mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, thời gian kể từ tháng 8/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Hoàng Đại Đ phải chịu 300.000đ án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Số tiền anh Đ phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0001741 ngày 03 tháng 4 năm 2018. Anh Đ phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt các bên đương sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/8/2018).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS Lệ Thủy;
- UBND thị trấn Kiến Giang;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Ngọc Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phan Văn Việt

Nguyễn Thị Hồng Minh

Nguyễn Ngọc Sơn

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THUY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH QUẢNG BÌNH

Bản án số: /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10/8/2018

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THUY, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Mẫu

2. Ông Lê Thuận Sơn

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Diệu Linh –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 10/8/2018, tại Hội trường, Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2018/TLS-HNGĐ ngày 11/4/2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phượng, sinh năm 1977.

Địa chỉ cư trú: Thôn Văn Minh, xã Văn Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đồng, sinh năm 1978.

Địa chỉ cư trú: Thôn Văn Minh, xã Văn Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. , mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 11/4/2018, được bổ sung tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phượng trình bày:

- Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Phượng và anh Nguyễn Văn Đồng tìm hiểu nhau và quyết định kết hôn trên tinh thần tự nguyện, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghi Diên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01/2012 ngày 11/6/2012 của UBND xã Nghi Diên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung với mẹ của anh Đồng tại thôn Văn Minh, xã Văn Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm đầu, những năm sau vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do anh Đồng không quan tâm đến vợ và con, uống rượu, đánh đập vợ dẫn đến vợ chồng mất mát tình cảm. Chị đã nhiều

lần lựa lời khuyên can nhưng anh Đồng vẫn không quan tâm đến chị và các con. Chị đứng không nổi, chị đã bỏ con về quê ngoại sinh sống, anh Đồng tìm đến xin lỗi và đưa chị cùng các con trở lại chung sống nhưng anh Đồng vẫn không thay đổi tình tình, cách cư xử khiến vợ chồng mất mát tình cảm. Mặc dù đã được hai gia đình động viên nhưng mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng lớn và không thể hàn gắn được. Chị Phượng xác định mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Đồng.

Tại Bản tự khai, Biên bản hoà giải ngày 15/5/2018 và tại phiên toà, bị đơn anh Nguyễn Văn Đồng trình bày: Quá trình kết hôn giống như chị Phượng trình bày, quá trình chung sống vợ chồng vẫn sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng chưa có gì đặc biệt, anh Đồng đề nghị Tòa án bác yêu cầu của chị Phượng để vợ chồng cùng nhau làm ăn, xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Chị Phượng và anh Đồng cùng khai có 02 con chung là Nguyễn Quang Hà, sinh ngày 20/02/2013 và Nguyễn Quang Vinh, sinh ngày 17/02/2017. Khi ly hôn, chị Phượng có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh Đồng cấp dưỡng nuôi con vì chị có đủ khả năng và điều kiện nuôi con; nếu ly hôn anh Đồng có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Quang Hà, giao con Nguyễn Quang Vinh cho chị Phượng nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Về tài sản chung: Chị Phượng, anh Đồng cùng khai vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải gửi cho các bên đương sự, anh Đồng chỉ có mặt viết bản tự khai, tham gia phiên họp, phiên hoà giải lần đầu, các lần hoà giải tiếp theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, tại phiên toà anh Đồng có mặt.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyễn Thị Phượng và anh Nguyễn Văn Đồng kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, lẽ ra anh, chị phải biết thương yêu, quý trọng chăm sóc lẫn nhau nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc. Nhưng anh, chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững mà lại để xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân hai bên không hợp nhau về tính cách, thiếu thông cảm chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống, vợ chồng đã có thời gian sống hạnh phúc nhưng chị Phượng không biết cách bảo vệ hạnh phúc lâu dài, anh Đồng chưa thực sự quan tâm đến vợ con mà để chị Phượng cáng đáng một mình, chị Phượng đã bỏ con về nhà mẹ đẻ sinh sống chứng tỏ chị không muốn tiếp tục

chung sống với anh Đồng nhưng anh Đồng vẫn không thay đổi tính tình, vẫn không quan tâm, chăm lo đến gia đình, vợ con. Tại phiên toà anh Đồng yêu cầu Toà án xử bác yêu cầu của chị Phượng nhưng trong cuộc sống vợ chồng anh Đồng thiếu tôn trọng vợ, không quan tâm đến gia đình vợ con, anh Đồng có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng nhưng không có mặt theo thông báo hoà giải của Toà án nên Toà án không thể tiến hành hoà giải theo nguyện vọng của anh được và chứng tỏ anh Đồng bỏ mặc, không quan tâm, bảo vệ hạnh phúc gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần thiết cho chị Phượng được ly hôn anh Đồng là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Sau ly hôn, chị Phượng có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Quang Hà, sinh ngày 20/02/2013 và Nguyễn Quang Vinh, sinh ngày 17/02/2017 và không yêu cầu anh Đồng cấp dưỡng nuôi con vì chị có đủ khả năng và điều kiện nuôi con. Anh Đồng cũng có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Quang Hà, sinh ngày 20/02/2013, giao con Nguyễn Quang Vinh, sinh ngày 17/02/2017 cho chị Phượng trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Xét thấy các con của anh, chị đang còn nhỏ cần bàn tay chăm sóc của người mẹ hơn nên cần thiết giao 02 con cho chị Phượng trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh, chị khai không có và không yêu cầu phân chia tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự: Xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn Đồng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình tuyên xử cho chị Nguyễn Thị Phượng được ly hôn anh Nguyễn Văn Đồng.

2. Về con chung: Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Giao 02 con chung Nguyễn Quang Hà, sinh ngày 20/02/2013 và Nguyễn Quang Vinh, sinh ngày 17/02/2017 cho chị Phượng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Đồng không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Phượng không yêu cầu vì chị có đủ khả năng và điều kiện nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Buộc chị Nguyễn Thị Phượng phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng

án phí chi đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0001744 ngày 11 tháng 4 năm 2018.

Án xử công khai có mặt các bên đương sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm..

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Mẫu

Lê Thuận Sơn

Nguyễn Ngọc Sơn